TRUNG TÂM THÔNG TIN

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 10/2025/QĐ-UBND | *Thái Nguyên, ngày 15 tháng 10 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 46/TTr-KHCN ngày 27 tháng 8 năm 2025.*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Các nội dung về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước không đề cập trong Quy định này được thực hiện theo pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Các nội dung liên quan đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thực hiện theo các quy định tại: Chương II (Từ Điều 4 đến Điều 32) Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước *(sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN);* Quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước

a) Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng theo khoản 1 Điều 8 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

b) Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ theo khoản 3 Điều 16 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

c) Quyết định hủy quyết định phê duyệt tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo khoản 1 Điều 18 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

d) Quyết định việc thay đổi tên nhiệm vụ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN; thay đổi kinh phí trong trường hợp làm tăng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN; thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN; thay đổi dự toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước dẫn đến giảm kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

đ) Quyết định chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo khoản 4 Điều 22 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nội dung về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

b) Tổ chức rà soát, tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ để phục vụ họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tra cứu thông tin các nhiệm vụ đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh có liên quan đến đề xuất đặt hàng.

c) Thông báo công khai danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng để tuyển chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện nhiệm vụ.

d) Thông báo công khai danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn trên cổng thông tin điện tử của đơn vị

hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác; thông báo tuyển chọn lần 02 theo quy định.

đ) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ; tổ chức mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ; thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn đối với các hồ sơ không hợp lệ.

e) Cử lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ làm Tổ trưởng tổ thẩm định kinh phí và cử thành viên tham gia Tổ chuyên gia theo quy định.

g) Xem xét, thông báo kết quả tuyển chọn nhiệm vụ; tiếp nhận hồ sơ nhiệm vụ do tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ trúng tuyển nộp.

h) Tiếp nhận hồ sơ nhiệm vụ đã hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định kinh phí và báo cáo tiếp thu, giải trình kết luận của Tổ thẩm định kinh phí do tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ nộp.

i) Lưu giữ và quản lý hồ sơ (kể cả hồ sơ không trúng tuyển); thực hiện công bố công khai thông tin về kết quả tuyển chọn nhiệm vụ.

k) Hủy kết quả tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ *(trừ trường hợp huỷ quyết định phê duyệt tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ)*; thông báo tới tổ chức chủ trì về việc hủy kết quả tuyển chọn hoặc hủy quyết định phê duyệt tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

l) Phê duyệt thuyết minh và ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

m) Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước; quyết định thành lập đoàn kiểm tra.

n) Xác nhận khối lượng công việc, kinh phí thực hiện của nhiệm vụ.

o) Trên cơ sở biên bản kiểm tra, hồ sơ kiểm tra hoặc trường hợp đột xuất để xem xét, quyết định việc thay đổi các nội dung sau:

- Mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ; việc mua sắm thiết bị, máy móc, nguyên liệu, vật liệu để thực hiện nhiệm vụ theo điểm a khoản 3 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN (trừ thay đổi tên nhiệm vụ).

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo điểm b khoản 3 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN (trừ trường hợp thay đổi làm tăng kinh phí ngân sách nhà nước so với tổng dự toán đã được phê duyệt).

- Thời gian thực hiện nhiệm vụ theo điểm c khoản 3 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ theo điểm đ khoản 3 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

p) Xem xét, quyết định các nội dung liên quan đến chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

- Tiếp nhận và xem xét, ra thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường đối với các nội dung đã thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí, nguyên vật liệu, trang thiết bị mua sắm và các nội dung khác (nếu có).

- Tổ chức lấy ý kiến tư vấn của hội đồng hoặc tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

q) Tiếp nhận hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ; kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đánh giá, nghiệm thu; xác nhận tình trạng hồ sơ và thông báo bằng văn bản để tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ bổ sung, hoàn thiện đối với hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ; thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

r) Tiếp nhận báo cáo thẩm định sản phẩm của Tổ chuyên gia theo điểm c khoản 2 Điều 25 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

s) Tiếp nhận báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các sản phẩm và các tài liệu liên quan theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu đối với nhiệm vụ được đánh giá xếp loại ở mức "Đạt" trở lên theo khoản 1 Điều 30 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN. Đối với nhiệm vụ xếp loại ở mức "Không đạt", chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành xử lý theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 29 và khoản 2 Điều 30 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

t) Tổ chức lấy ý kiến tổ chức hoặc chuyên gia tư vấn độc lập về kết quả đánh giá, nghiệm thu trong trường hợp cần thiết.

u) Đối với việc thay đổi dự toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước dẫn đến giảm kinh phí ngoài ngân sách nhà nước: Tiếp nhận văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

v) Xem xét, quyết định đối với các thay đổi khác theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN

4. Hồ sơ trình phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Thành phần hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng, gồm: Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị phê duyệt danh mục; biên bản họp Hội đồng

tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ; bảng kiểm phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ; tổng hợp kiến nghị của Hội đồng về đề xuất danh mục nhiệm vụ.

5. Hồ sơ trình phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ

Thành phần hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ, gồm: Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ; biên bản họp Hội đồng tuyển chọn; biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí; ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có); báo cáo giải trình của tổ chức chủ trì đối với các ý kiến của Hội đồng tuyển chọn; báo cáo giải trình ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí; hồ sơ nhiệm vụ đã được chỉnh sửa theo kết luận của Tổ thẩm định kinh phí; Quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn, Tổ thẩm định kinh phí, Tổ chuyên gia (nếu có); dự thảo Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Mẫu IV.19-QĐ.KQTC tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN và tài liệu liên quan khác (nếu có).

6. Chế độ báo cáo

a) Báo cáo định kỳ

- Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo 06 tháng một lần kể từ ngày bắt đầu thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng (về nội dung, tiến độ thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí) gửi Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, quản lý theo quy định.

- Trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thực hiện việc báo cáo tiến độ từ 02 lần trở lên thì sẽ bị tạm dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo đột xuất trong các trường hợp sau:

- Báo cáo bằng văn bản với Sở Khoa học và Công nghệ trước ít nhất 02 ngày làm việc khi thực hiện các nội dung như: cấp phát vật tư, cây giống, con giống; bàn giao nguyên vật liệu, thiết bị; nghiệm thu, bàn giao kết quả các gói thầu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nghiệm thu sản phẩm, mô hình là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nghiệm thu cấp cơ sở (tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ). Trong trường hợp cần thiết, để phục vụ công tác quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ có thể cử cán bộ tham dự để kiểm tra, giám sát.

- Báo cáo theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền theo quy định.

7. Công tác kiểm tra nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Định kỳ trong khoảng thời gian 12 tháng một lần tính từ khi bắt đầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hợp đồng (hoặc đột xuất trong trường

hợp cần thiết), Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tình hình sử dụng nguồn kinh phí. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể mời thêm các chuyên gia để tư vấn cho việc đánh giá chất lượng công việc đã thực hiện. Kết quả kiểm tra được lập biên bản và xử lý theo quy định khi phát hiện các vi phạm.

b) Số lượng và thành phần tham gia đoàn kiểm tra:

- Số lượng thành viên: Từ 04 đến 06 thành viên. Trường hợp kiểm tra nhiệm vụ có phạm vi, quy mô thực hiện lớn hoặc nhiệm vụ có tính chất phức tạp, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng lớn hơn 06 thành viên.

- Thành phần đoàn kiểm tra gồm có Trưởng đoàn kiểm tra *(là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ)*, Phó trưởng đoàn kiểm tra (*là lãnh đạo bộ phận quản lý khoa học)* và các thành viên là cán bộ của bộ phận quản lý khoa học, kế hoạch - tài chính. Trong trường hợp cần thiết, có thể mời đại diện các sở, ngành, đơn vị, địa phương và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan tham gia đoàn kiểm tra.

- Đoàn kiểm tra làm việc khi có mặt tối thiểu 2/3 số lượng thành viên theo quyết định thành lập đoàn, trong đó có Trưởng đoàn hoặc Phó trưởng đoàn kiểm tra được uỷ quyền trong trường hợp Trưởng đoàn vắng mặt.

8. Quy định đối với Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN thì đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang không làm chủ nhiệm từ 02 (hai) nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN và được thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục.

- Chủ nhiệm nhiệm vụ bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ (có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc xác nhận của cơ quan y tế).

- Chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong; mất tích.

- Chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác.

- Ngoài các trường hợp nêu trên, chủ nhiệm nhiệm vụ có lý do cá nhân khác mà không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao thì Sở Khoa học và

Công nghệ xem xét quyết định. Trường hợp không nhất trí với việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến bằng văn bản đến tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trong đó nêu rõ lý do không đồng ý.

9. Thay đổi cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ

Tổ chức chủ trì chủ động thực hiện để đảm bảo hoàn thành tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ đã được phê duyệt, trong đó việc thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu phải có sự đồng thuận bằng văn bản của người được bổ sung và người được thay thế nhưng không được thấp hơn số lượng đã phê duyệt tại biên bản thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ.

10. Rút ngắn thời gian thực hiện nhiệm vụ

Tổ chức chủ trì thực hiện đã hoàn thành nội dung, sản phẩm theo thuyết minh được phê duyệt thì có thể tổ chức nghiệm thu trước thời gian kết thúc theo hợp đồng. Việc rút ngắn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét khi đã thực hiện được tối thiểu 2/3 thời gian theo hợp đồng.

11. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Thành phần hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, gồm: Văn bản đề nghị công nhận kết quả của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ kèm theo các văn bản có liên quan (như: Bản sao biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu; bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ); bản sao báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo Mẫu VI.12-BC.HĐĐ/NT tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị và các tài liệu theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn quản lý nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước; kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện Quy định này.

b) Thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh gửi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

c) Hướng dẫn các sở, ngành tỉnh, địa phương, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài tỉnh đề xuất đặt hàng nhiệm vụ; tổ chức xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, kiểm tra và đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh theo quy

định. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện các nhiệm vụ triển khai trên địa bàn tỉnh.

d) Ban hành các biểu mẫu, hướng dẫn phục vụ công tác quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ ngoài các biểu mẫu đã được quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ vào dự toán ngân sách Trung ương phân bổ và trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ dự toán kinh phí chi cho thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh theo quy định.

b) Cử thành viên tham gia Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương

Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Khoa học và Công nghệ; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý; tiếp nhận và chịu trách nhiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu nhiệm vụ cấp tỉnh do mình đề xuất đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hằng năm hoặc đột xuất gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2025.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên.

b) Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2021 ban hành Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên.

c) Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

d) Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quy chế ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu các đề tài dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

e) Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Khi văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Điều 6**. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thanh Bình**